

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC
MIỀN TRUNG**

*Báo cáo tài chính công ty mẹ
Cho Quý 1 năm 2017*



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Bảng cân đối kế toán riêng	02 - 03
Báo cáo kết quả kinh doanh riêng	04 - 05
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	06 - 07
Bản Thuyết minh báo cáo riêng	08 - 21

19280
CÔNG TY
BẤT ĐỘNG
SẢN ĐIỆN
LỰC MIỀN
TRUNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu số B 01a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.318.479.361	158.832.055.943
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.252.921.134	4.394.734.032
Tiền	111		1.252.921.134	1.394.734.032
Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	22.000.000.000	99.350.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		22.000.000.000	99.350.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.367.296.824	48.627.568.397
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	37.382.178.827	30.412.507.084
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		671.141.917	314.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	9.480.000.000	9.100.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	22.833.976.080	8.801.061.313
Hàng tồn kho	140	9	6.457.878.565	6.459.753.514
Hàng tồn kho	141		6.457.878.565	6.459.753.514
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.240.382.838	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	1.240.382.838	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		205.070.738.999	142.966.481.969
Tài sản cố định	220		1.516.115.680	1.624.933.861
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.516.115.680	1.624.933.861
- Nguyên giá	222		4.270.717.641	4.270.717.641
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.754.601.961)	(2.645.783.780)
Bất động sản đầu tư	230	11	74.699.134.552	89.541.977.202
- Nguyên giá	231		75.240.518.921	90.688.956.834
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(541.384.369)	(1.146.979.632)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		127.710.000.000	50.490.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	5	127.710.000.000	50.490.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.145.488.767	1.309.570.906
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.145.488.767	1.309.570.906
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		306.389.218.360	301.798.537.912



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu số B 01a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		8.772.277.930	8.906.700.862
Nợ ngắn hạn	310		8.772.277.930	8.906.700.862
Phải trả người bán ngắn hạn	311		80.575.297	134.180.006
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.125.893.907	9.641.680
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.924.491.965	3.449.509.527
Phải trả người lao động	314		302.313.764	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		14.818.750	62.214.458
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	14	46.818.183	368.272.727
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	5.267.330.646	4.872.847.046
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.035.418	10.035.418
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		297.616.940.430	292.891.837.050
Vốn chủ sở hữu	410	16	297.616.940.430	292.891.837.050
Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	261.000.000.000	261.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		261.000.000.000	261.000.000.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	18	1.184.000.000	1.184.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.432.940.430	30.707.837.050
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30.707.837.050	14.790.834.169
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.725.103.380	15.917.002.881
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		306.389.218.360	301.798.537.912

Người lập biểu



Trần Minh Tuấn

Kế toán trưởng



Trần Minh Tuấn

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2017

CÔNG TỬNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN
 BẤT ĐỘNG SẢN
 ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

NGUYỄN KHÁNG CHIẾN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Lấy kể 3 tháng đầu năm 2017

Mẫu số B 02a - DN
 Đơn vị tính: VND

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Quý I/2017		Quý I/2016		Lấy kể từ đầu năm đến cuối Quý I/2017		Lấy kể từ đầu năm đến cuối Quý I/2016	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01	02	23.296.842.093	-	9.267.053.724	-	23.296.842.093	-	9.267.053.724	-
10		23.296.842.093		9.267.053.724		23.296.842.093		9.267.053.724	
11		16.113.180.177		7.449.312.115		16.113.180.177		7.449.312.115	
20		7.183.661.916		1.817.741.609		7.183.661.916		1.817.741.609	
21		5.163.101		53.107.994		5.163.101		53.107.994	
22		-		802.988.651		-		802.988.651	
23		-		802.988.651		-		802.988.651	
25		143.234.692		297.483.152		143.234.692		297.483.152	
26		945.569.539		547.246.106		945.569.539		547.246.106	
30		6.100.020.786		223.131.694		6.100.020.786		223.131.694	
31		21.4		224.502		21.4		224.502	
32		-		-		-		-	
40		21.4		224.502		21.4		224.502	
50		6.100.042.186		223.356.196		6.100.042.186		223.356.196	
51		1.374.938.806		217.868.970		1.374.938.806		217.868.970	
60		4.725.103.380		5.487.226		4.725.103.380		5.487.226	
70									

Người lập biểu



Trần Minh Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Chiến



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Lấy kể 3 tháng đầu năm 2017

Mẫu số B 03a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)
 Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý I/2017 VND	Quý I/2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	6.100.042.186	223.356.196
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	272.941.120	295.194.002
Các khoản dự phòng	03	-	(765.318.312)
Chi phí lãi vay	06	-	802.988.651
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.372.983.306	556.220.537
Giảm các khoản phải thu	09	(21.739.728.427)	(23.907.692.337)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	1.874.949	8.044.728.831
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	217.893.566	(2.584.618.859)
Giảm chi phí trả trước	12	164.082.139	(62.751.732)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	77.350.000.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.973.773.742)	(2.544.277.631)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	4.129.311.250	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(31.596.399.349)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	63.522.643.041	(52.094.790.540)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.336.724.960	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(14.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	44.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(75.000.000.000)	
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.163.101	53.107.994
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(66.658.111.939)	30.553.107.994
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.344.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.344.000)	-



Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(3.141.812.898)	(21.541.682.546)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.394.734.032	24.630.107.755
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.252.921.134	3.088.425.209

Người lập biểu



Trần Minh Tuấn

Kế toán trưởng



Trần Minh Tuấn



Lập ngày 05 tháng 05 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khánh Chiến



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho quý I năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

1. Đơn vị báo cáo

a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bất Động Sản Điện Lực Miền Trung ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản; Đầu tư tạo lập nhà, mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;
- Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại;
- Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất có hạ tầng;
- Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại;
- Đầu tư và kinh doanh trung tâm thương mại, siêu thị;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh khu vui chơi, giải trí;
- Dịch vụ bất động sản; Môi giới, định giá, dịch vụ sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp trên quy mô vừa và nhỏ;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế kết cấu công trình năng lượng quản lý dự án, giám sát thi công và xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư, xây dựng và tư vấn công trình điện;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và Quốc tế;
- Sản bóng đá mini;
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch.

c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không xác định được một cách rõ ràng và do đó được mặc định là 12 tháng.

d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Tại ngày 27 tháng 03 năm 2017, Công ty thực hiện bán 455.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư V-land với tổng giá trị chuyển nhượng là 77.350 triệu VND, tương đương 45,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư V-land.

e) Cấu trúc tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 Công ty có 1 công ty con (tại ngày 01/01/2017 có 1 công ty con).

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, Công ty có 26 nhân viên (ngày 31/12/2016: 25 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho quý I năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính này.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho quý I năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

(c) Các khoản đầu tư

i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

iii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm là các căn hộ được xây để bán và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm quyền sử dụng đất, các chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng trên đó, chi phí tiền lãi được vốn hóa, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho quý I năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• Nhà cửa	05 - 20 năm
• Máy móc thiết bị	03 - 05 năm
• Phương tiện vận tải	03 - 06 năm
• Sân bóng mini	05 năm

(g) Bất động sản đầu tư

i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Căn hộ và quyền sử dụng đất gắn liền với căn hộ 44-50 năm

ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho quý I năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bàng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho quý I năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(n) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan đề cập tới các cổ đông và các công ty con và công ty liên kết của công ty.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	365.160.859	1.230.639.552
Tiền gửi ngân hàng	887.760.275	164.094.480
Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000
	<u>1.252.921.134</u>	<u>4.394.734.032</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho quý I năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

5. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/03/2017				01/01/2017			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Chứng khoán kinh doanh								
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (*)	2.200.000	22.000.000.000	(*)	-	2.200.000	22.000.000.000	(*)	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dầu tư Vland		-	-	-	455.000	77.350.000.000	(*)	-
		22.000.000.000	-	-		99.350.000.000	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty con

	31/03/2017				01/01/2017			
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý
Địa chỉ								
Công ty Cổ phần Vui chơi thể hệ mới (*)	8.910.000	99%	99%	(*)	1.188.000	99%	99%	50.490.000.000 (*)
Hà Nội, Việt Nam				-				-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty liên quan		
Công ty TNHH An Thịnh Quảng Nam	8.422.556.744	16.381.159.816
Công ty Cổ phần PPC An Thịnh Đà Nẵng	1.756.362.128	7.846.912.128
Công ty Cổ phần Bất động sản An Thịnh Hòa Bình	-	2.099.137.104
Các bên thứ ba		
Các khách hàng khác	27.203.259.955	4.085.298.036
	37.382.178.827	30.412.507.084

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là khoảng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vui chơi thể hệ mới	9.480.000.000	9.000.000.000
Cho bên thứ ba vay	-	100.000.000
	9.480.000.000	9.100.000.000

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khoản tiền đã ứng trước cho cá nhân có liên quan	1.335.145.000	1.220.545.581
Phải thu khoản tiền đã ứng trước cho bên thứ ba	13.900.000.000	7.553.000.000
Các khoản khác	7.598.831.080	27.515.732
	22.833.976.080	8.801.061.313

9. Hàng tồn kho

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	21.374.140	-	21.374.140	-
Thành phẩm	5.553.637.639	-	5.553.637.639	-
Hàng hóa bất động sản	882.866.786	-	884.741.735	-
	6.457.878.565	-	6.459.753.514	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Sân bóng mini	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	837.393.467	90.880.909	1.556.297.814	1.786.145.451	4.270.717.641
Tăng trong kỳ		-		-	-
Số dư cuối kỳ	837.393.467	90.880.909	1.556.297.814	1.786.145.451	4.270.717.641
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	831.172.953	90.880.909	807.567.522	916.162.396	2.645.783.780
Khấu hao trong kỳ	6.220.514	-	19.510.908	102.597.667	108.818.181
Số dư cuối kỳ	837.393.467	90.880.909	807.567.522	1.018.760.063	2.754.601.961
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	6.220.514	-	748.730.292	869.983.055	1.624.933.861
Số dư cuối kỳ	-	-	748.730.292	767.385.388	1.516.115.680

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 có các tài sản cố định nguyên giá 1.427 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 1.427 triệu VND).

11. Bất động sản đầu tư

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê	15.860.612.952	30.703.455.602
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	58.838.521.600	58.838.521.600
	74.699.134.552	89.541.977.202

a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Căn hộ và quyền sử dụng gắn liền với căn hộ
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	24.102.478.308
Tăng trong kỳ	7.747.956.926
Bán trong kỳ	(15.448.437.913)
Số dư cuối kỳ	16.401.997.321
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.146.979.632
Khấu hao trong kỳ	164.122.939
Bán trong kỳ	(769.718.202)
Số dư cuối kỳ	541.384.369
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	22.955.498.676
Số dư cuối kỳ	15.860.612.952

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty là các căn hộ Harmony đang cho thuê hoạt động.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND
Số dư đầu kỳ	58.838.521.600
Tăng trong kỳ	-
Bán trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	58.838.521.600

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Công ty là Quyền sử dụng đất như sau:

Quyền sử dụng đất tại địa chỉ Lô A5 Phạm Văn Đồng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG940544 do ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 6 tháng 9 năm 2011 và cấp đổi thành Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT878091 do ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 4 tháng 4 năm 2014. Quyền sử dụng đất tại lô đất này được định giá trên cơ sở của Chứng thư thẩm định giá do Công ty TNHH Thẩm định giá Đất Việt phát hành ngày 12 tháng 11 năm 2008 và Quyết định số 736/QĐ-EVN ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam để góp vốn vào Công ty. Bất động sản này được dự định để thực hiện triển khai dự án Harmony Tower giai đoạn 2.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.309.570.906	-	1.309.570.906
Tăng trong kỳ	263.572.000	-	263.572.000
Kết chuyển sang hàng tồn kho	-	-	-
Phân bổ trong kỳ	(427.654.139)	-	(427.654.139)
Số dư cuối kỳ	1.145.488.767	-	1.145.488.767

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính nộp trước cho Nhà nước đối với các khoản khách hàng tạm ứng cho Công ty.

	Thuế thu nhập doanh nghiệp VND
Số dư đầu kỳ	358.452.098
Số đã nộp trong kỳ	2.973.773.742
Khấu trừ với thuế TNDN phải nộp	(1.374.938.806)
Số dư cuối kỳ	<u>1.240.382.838</u>

b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	31/03/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.081.685.796	2.033.741.204	(3.201.438.718)	1.913.988.282
Thuế thu nhập doanh nghiệp	358.452.098	1.374.938.806	(1.733.390.904)	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.371.633	35.810.584	(34.678.534)	10.503.683
	<u>3.449.509.527</u>	<u>3.444.490.594</u>	<u>(4.969.508.156)</u>	<u>1.924.491.965</u>

14. Doanh thu chưa thực hiện

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Doanh thu nhận trước tiền thuê của khách hàng	<u>46.818.183</u>	<u>368.272.727</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả phí bảo trì (*)	3.007.815.625	2.564.323.625
Cổ tức phải trả	1.756.398.911	1.762.742.911
Đặt cọc tiền thuê nhà của khách hàng	426.400.000	495.400.000
Phải trả khác	76.716.110	50.380.510
Cộng	<u>5.267.330.646</u>	<u>4.872.847.46</u>

(*) Số tiền này liên quan đến phí bảo trì bằng 2% trên giá trị căn hộ thu được từ các khách hàng mua nhà tại Khu căn hộ Harmony. Phần phí bảo trì này sẽ phải trả lại cho Ban Quản trị tòa nhà sau khi quyết toán chi phí bảo trì với Ban Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2017	261.000.000.000	1.184.000.000	30.707.837.050	292.891.837.050
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	4.725.103.380	4.725.103.380
Số dư tại ngày 31/03/2017	261.000.000.000	1.184.000.000	35.432.940.430	297.616.940.430

17. Vốn cổ phần

	31/03/2017		01/01/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	26.100.000	261.000.000.000	26.100.000	261.000.000.000
Số cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.100.000	261.000.000.000	26.100.000	261.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.100.000	261.000.000.000	26.100.000	261.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

18. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Theo Điều lệ Công ty, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích bổ sung vốn điều lệ và mở rộng kinh doanh trong tương lai.

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Tổng doanh thu bao gồm:

	Quý I/2017 VND	Quý I/2016 VND
Bán hàng	-	4.057.555.735
Bán bất động sản đầu tư	22.174.600.000	3.847.088.202
Cho thuê bất động sản đầu tư	907.429.493	882.314.085
Doanh thu khác	214.812.600	480.095.702
	23.296.842.093	9.267.053.724

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho kỳ tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

20. Giá vốn hàng bán

	Quý I/2017 VND	Quý I/2016 VND
Bán hàng	-	3.447.290.145
Bán bất động sản đầu tư	14.802.493.614	2.778.072.147
Cho thuê bất động sản đầu tư	727.835.006	1.024.537.847
Cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát và môi giới	348.111.480	-
Giá vốn khác	234.740.077	199.411.976
	<u>16.113.180.177</u>	<u>7.449.312.115</u>

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I/2017 VND	Quý I/2016 VND
Lãi tiền gửi	5.163.101	53.107.994
	<u>5.163.101</u>	<u>53.107.994</u>

22. Chi phí tài chính

	Quý I/2017 VND	Quý I/2016 VND
Lãi tiền vay	-	802.988.651
	<u>-</u>	<u>802.988.651</u>

23. Chi phí bán hàng

	Quý I/2017 VND	Quý I/2016 VND
Chi phí nhân viên	131.502.040	168.798.960
Chi phí hoa hồng môi giới	-	22.552.956
Chi phí quảng cáo	-	92.158.819
Chi phí bán hàng khác	11.732.652	13.972.417
	<u>143.234.692</u>	<u>297.483.152</u>

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I/2017 VND	Quý I/2016 VND
Chi phí nhân viên	612.795.060	270.932.258
Thù lao Hội đồng Quản trị	72.000.000	72.000.000
Chi phí nhân công, dịch vụ thuê ngoài	169.055.755	174.096.634
Chi phí khấu hao	19.510.908	23.346.561
Chi phí khác	72.207.816	6.870.653
	<u>945.569.539</u>	<u>547.246.106</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

25. Thuế thu nhập

a) Ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý I/2017 VND	Quý I/2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.374.938.806	217.868.970

b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Quý I/2017 VND	Quý I/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.100.042.186	223.356.196
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.220.008.437	44.671.239
Chi phí không được khấu trừ thuế	12.000.000	173.197.731
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.801.930	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	109.128.439	-
	1.374.938.806	217.868.970

c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Quý I/2017 VND	Quý I/2016 VND
Thu hồi công nợ phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH An Thịnh Quảng Nam	7.958.603.072	
Công ty Cổ phần PPC An Thịnh Đà Nẵng	6.090.550.000	
Công ty Cổ phần BĐS An Thịnh Hòa Bình	2.099.137.104	
Công ty Cổ phần Vui chơi Thể Hệ Mới		
Góp vốn vào công ty con	77.220.000.000	
Cho vay ngắn hạn	2.700.000.000	
Hoàn trả tiền vay ngắn hạn	2.220.000.000	
	Quý I/2016 VND	Quý I/2017 VND
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	329.481.500	125.419.444
Tạm ứng	300.000.000	-
Hoàn ứng	176.050.000	-
Thành viên hội đồng quản trị		
Tiền lương và thưởng	72.000.000	72.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho kỳ tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

27. Trình bày lại thông tin tài chính đã công bố

Ngày 29/04/2017 Công ty ban hành Công văn số 96/2017/CV-LEC-TCKT về giải trình chênh lệch trên 10% lợi nhuận sau thuế. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 1 năm 2017 tăng so với cùng kỳ năm 2016 chủ yếu do trong kỳ doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản tăng mạnh dẫn đến doanh thu bán hàng tăng 158% so với cùng kỳ năm trước.

28. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số trên báo cáo tài chính riêng Quý 1/2016 của Công ty.

Người lập biểu

Trần Minh Tuấn

Kế toán trưởng

Trần Minh Tuấn

Lập ngày 25 tháng 05 năm 2017
Tổng Giám đốc

Nguyễn Khang Chiến

